

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2023/DS-ST

Ngày: 01-02-2023

V/v tranh chấp “Hợp đồng góp
hụi”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tơ

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Thành Chì
- Bà Bùi Thị Duyên

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Kiến Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Mộng - Kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 250/2022/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp “Hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST-DS ngày 03/01/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2023/QĐ-HPT ngày 12/01/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1958. Nơi cư trú: ấp TH, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre. Có yêu cầu vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Trần Thị L1, sinh năm 1968; Nơi cư trú: ấp TP, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Ngọc P, sinh năm 1961. Nơi cư trú: ấp TP, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1956; Nơi cư trú: ấp TH, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre. Ông B ủy quyền cho bà Nguyễn Thị L tham gia tố tụng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn Nguyễn Thị L trình bày:

Vào ngày 25/6/2017 âm lịch (tháng 6 trước) (nhuần 02 tháng 6) bà có làm chủ hội, bà Trần Thị L1 có tham gia với bà 01 dãy hội, cụ thể: hội 5.000.000 đồng, 29 hội viên, bà L1 tham gia 01 phần. Ngày 25/9/2017 bà L1 kêu và hốt hội với số tiền 76.300.000 đồng; bà giao tiền hội đầy đủ cho bà L1. Sau khi hốt hội bà L1 phải đóng hội chết lại cho bà tổng số tiền là 120.000.000 đồng tuy nhiên bà L1 chỉ đóng hội chết cho bà được số tiền 47.000.000 đồng và hiện nay còn nợ lại số tiền 73.000.000 đồng. Mục đích bà L1 chơi hội và hốt hội là nhằm chi tiêu chung trong gia đình nên ông Nguyễn Ngọc P là chồng bà L1 hoàn toàn biết việc này do khi giao tiền hội thì ông P có ký tên vào giấy tay giao tiền hội.

Việc bà L1 cho rằng bà L1 tham gia thay cho bà Võ Thị Chanh ½ dãy hội nhưng bà L1 vẫn là người trực tiếp tham gia chơi hội với bà nên bà không yêu cầu nghĩa vụ của bà Chanh trong vụ kiện này. Việc bà Chanh còn nợ tiền hội bà L1 thì bà L1 có quyền khởi kiện bà Chanh trong một vụ kiện khác. Do đó nay bà khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị L1 và ông Nguyễn Ngọc P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền hội còn nợ là 73.000.000 đồng. Việc bà L1 và ông P cho rằng chỉ còn nợ bà số tiền 54.000.000 đồng thì bà không đồng ý. Do hiện nay bản chính giấy giao hội ngày 05/10/2017 (al) quá trình L1 giữ bà đã làm thất lạc nên không có bản chính để cung cấp cho Tòa án nhưng bà cam kết nếu sau này bà có tìm được bản chính giấy giao hội ngày 05/10/2017 (al) thì bà sẽ không sử dụng bản chính đó để đi khởi kiện bà L1 và ông P trong vụ kiện khác đối với số tiền 73.000.000 đồng như trên. Đồng thời bà cũng cam kết từ trước đến nay bà L1 và ông P chỉ còn nợ bà số tiền 73.000.000 đồng mà hiện nay Tòa án đang thụ lý giải quyết ngoài ra tính đến hiện nay bà L1, ông P không còn nợ bà số tiền nào khác. Số tiền nêu trên là tài sản chung của bà và ông Nguyễn Ngọc B.

Theo nội dung biên bản lấy lời khai ngày 21/11/2022 bị đơn Trần Thị L1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Ngọc P cùng trình bày: vào năm 2017 bà L1 có tham gia chơi hội với bà Nguyễn Thị L 01 phần hội; mỗi phần hội 5.000.000 đồng; hội khai ngày 25/6/2017 (âm lịch) (nhuần 02 tháng 6) gồm 29 hội viên. Đến tháng thứ 5 bà L1 kêu và hốt hội được số tiền 76.350.000 đồng và bà L1 giao tiền hội cho bà L1 đầy đủ. Thời điểm bà L1 hốt hội thì số tiền hội chết bà L1 phải đóng lại là 120.000.000 đồng nhưng bà L1 đã đóng được 66.000.000 đồng và còn nợ lại số tiền hội chết chưa đóng là 54.000.000 đồng. Mục đích bà L1 chơi hội là

nhằm mục đích chi tiêu chung trong gia đình. Đối với số tiền hui nêu trên bà L1 và bà Võ Thị Chanh, sinh năm 1963; địa chỉ: ấp Thanh Hòa, xã Thanh Phong hùn chơi chung nhưng do bà L1 là người đứng ra đại diện chơi hui nên bà L chỉ biết bà L1 là hui viên. Số tiền hui chết còn lại bà L1 còn nợ là do bà Chanh chưa đóng cho bà L1. Trong vụ án này bà L1 và ông P đồng ý nghĩa vụ liên đới để trả cho bà L số tiền 54.000.000 đồng và ông P, bà L1 không yêu cầu nghĩa vụ của bà Chanh trong vụ án này. Hiện bà L1, ông P đang khởi kiện bà Chanh trong một vụ kiện khác để yêu cầu bà Chanh có nghĩa vụ trả cho bà L1 số tiền nợ hui như trên. Đối với số tiền 54.000.000 đồng bà L1 và ông P có yêu cầu trả dần nhưng không thể nêu cách thức trả dần như thế nào do hiện nay hoàn cảnh kinh tế của bà L1 và ông P rất khó khăn. Quá trình đóng hui chết thì bà L1 và ông P không có yêu cầu bà L lập biên nhận hay giấy tờ gì nên ông, bà không có tài liệu, chứng cứ gì để cung cấp cho Tòa án để chứng minh hiện nay ông P và bà L1 chỉ còn nợ bà L số tiền hui chết là 54.000.000 đồng.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm. Trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung yêu cầu khởi kiện: nguyên đơn (bà L) trình bày sau khi hốt hui với số tiền 76.300.000 đồng; bà L1 và ông P phải đóng lại số tiền hui chết là 120.000.000 đồng. Bà L1 đã đóng được 47.000.000 đồng; còn nợ lại 73.000.000 đồng. Bà L yêu cầu bà L1 và ông P liên đới trả số tiền hui đã thiếu là 73.000.000 đồng. Chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, bà L cung cấp bản photo giấy hui và giấy giao hui nhưng không được xem là chứng cứ. Ngoài ra, bà L cung cấp giấy viết tay có nội dung: “chị L1 đóng hui” và các con số thể hiện tổng cộng là 42.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 21/11/2022, bà L1 và ông P thừa nhận có tham gia chơi 01 phần hui 5.000.000 đồng với bà Nguyễn Thị L, hui khai ngày 25/6/2017 (âm lịch, nhuận hai tháng 6), với 29 hui viên. Đến tháng thứ 5 kê và hốt được 76.350.000 đồng; bà L giao tiền hui đầy đủ. Số tiền hui chết phải đóng lại là 120.000.000 đồng. Vấn đề này bị đơn thừa nhận nên đây là vấn đề không phải chứng minh. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự; các Điều 16, 17, 18 và 24 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hui, biêu, phường yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Ngoài ra, bị đơn trình bày đã đóng 66.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền hui chưa đóng là 54.000.000 đồng nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận. Từ những phân tích nêu trên, căn cứ các Điều 26, 35, 39, 227, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 429, 471 Bộ luật Dân sự, Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 16, 17, 18 và 24 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày

19/02/2019 của Chính phủ về họ, họ, biểu, phường, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà L1 và ông P liên đới trả cho bà L số tiền hui đã thiếu là 73.000.000 đồng. Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật : Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng góp hui” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn Trần Thị L1 hiện đang sinh sống và đăng ký hộ khẩu tại ấp TH, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: bà L khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị L1 và ông Nguyễn Ngọc P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L số tiền hui còn nợ là 73.000.000 đồng. Bà L1 và ông P cho rằng chỉ còn nợ bà L số tiền 54.000.000 đồng thì bà L không đồng ý. Do hiện nay bản chính giấy giao hui ngày 05/10/2017 (al) quá trình L1 giữ bà đã làm thất lạc nên không có bản chính để cung cấp cho Tòa án nhưng bà cam kết nếu sau này bà L có tìm được bản chính giấy giao hui ngày 05/10/2017 (al) thì bà L sẽ không sử dụng bản chính đó để đi khởi kiện bà L1 và ông P trong vụ kiện khác đối với số tiền 73.000.000 đồng như trên. Đồng thời bà L cũng cam kết từ trước đến nay bà L1 và ông P chỉ còn nợ bà L số tiền 73.000.000 đồng mà hiện nay Tòa án đang thụ lý giải quyết ngoài ra tính đến hiện nay bà L1, ông P không còn nợ bà L số tiền nào khác. Số tiền nêu trên là tài sản chung của bà L và ông Nguyễn Ngọc B.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L, xét thấy: hợp đồng góp hui giữa bà Nguyễn Thị L và bà Trần Thị L1 được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc và không vi phạm quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Bà L1 và ông P đồng ý nghĩa vụ liên đới để trả cho bà L số tiền 54.000.000 đồng. Bà L1 và ông P thừa nhận thời điểm bà L1 hốt hui thì số tiền hui chết bà L1 phải đóng lại là 120.000.000 đồng nhưng bà L1 đã đóng được 66.000.000 đồng và còn nợ lại số tiền hui chết chưa đóng là 54.000.000 đồng. Bà L1, ông P cũng thừa nhận quá trình đóng hui chết thì bà L1 và ông P không có yêu cầu bà L lập biên nhận hay giấy tờ gì nên ông, bà không có tài liệu, chứng cứ gì để cung cấp cho Tòa án để chứng minh hiện nay ông P và bà L1 chỉ còn nợ bà L số tiền hui chết là 54.000.000 đồng. Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú đã ban hành Thông báo số 1358/TB-TA ngày 25/11/2022 để yêu cầu bà L1 và ông P cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh hiện nay bà L1 và ông P chỉ còn nợ bà L số tiền 54.000.000 đồng nhưng hết thời hạn trong nội dung thông nêu trên phía bà L1, ông P không cung cấp được tài liệu, chứng cứ và vắng mặt trong quá trình tố tụng tại Tòa án nên bà L1, ông P phải chịu hậu quả của việc

không cung cấp được tài liệu, chứng cứ. Từ những cơ sở nêu trên có căn cứ xác định quá trình thực hiện hợp đồng bà L1 và ông P đã vi phạm hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận làm phát sinh tranh chấp. Do đó việc bà Lyêu cầu bà Trần Thị L1 và ông Nguyễn Ngọc P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Ngọc Bsố tiền nợ 73.000.000 đồng là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Bà Trần Thị L1 và ông Nguyễn Ngọc P có nghĩa vụ liên đới chịu án phí theo quy định của pháp luật được tính như sau: $5\% \times 73.000.000 \text{ đồng} = 3.650.000 \text{ đồng}$. Do ông Nguyễn Ngọc P là người cao tuổi nên được miễn nộp số tiền 1.825.000 đồng. Bà Trần Thị L1 có nghĩa chịu 1.825.000 đồng.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 147, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L. Buộc bà Trần Thị L1 và ông Nguyễn Ngọc P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Ngọc Bsố tiền 73.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị L1 và ông Nguyễn Ngọc P có nghĩa vụ liên đới chịu án phí theo quy định của pháp luật được tính như sau: $5\% \times 73.000.000 \text{ đồng} = 3.650.000 \text{ đồng}$. Do ông Nguyễn Ngọc P là người cao tuổi nên được miễn nộp số tiền 1.825.000 đồng. Bà Trần Thị L1 có nghĩa chịu 1.825.000 đồng.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được công bố theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- Dương sự;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- THADS huyện Thạnh Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Tơ